

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/DS-ST

Ngày: 17.7.2024

“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Văn Hùng.

2. Ông Phạm Hoàng Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2024/QĐXXST-DS ngày 03/7/2024 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Trần Văn S1, sinh năm 1965 (Có mặt) và bà Trần Thị N, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt); Cùng địa chỉ: ấp B, xã V, huyện V, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà N và ông S1 làm chủ hụi. Trong quá trình làm chủ hụi bà S có tham gia 01 dây hụi do bà N làm chủ; dây hụi mở ngày 20/7/2022 với số tiền một phần hụi 1.000.000 đồng, có 27 hụi viên, mở hụi 01 tháng 01 lần, dây hụi này bà S tham gia 01 phần, đã góp được 19 lần với số tiền 19.000.000 đồng, đến ngày 20/11/2023 bà N, ông S1 tuyên bố vỡ hụi, nhưng các hụi viên không ai

không góp hụi mà ông bà tự tuyên bố vỡ hụi. Từ khi tuyên bố vỡ hụi bà **N**, ông **S1** chưa trả lại số tiền bà **S** đã góp hụi cho ông bà. Nay bà **S** yêu cầu bà **N**, ông **S1** trả lại cho bà số tiền hụi còn thiếu.

* *Tại biên bản hoà giải ngày 31/5/2024 bị đơn ông **Trần Văn S1** trình bày:* Ông thống nhất vợ chồng ông bà có làm chủ hụi và bà **S** có tham gia dây hụi như lời bà **S** trình bày. Hiện nay ông bà còn nợ bà **S** số tiền 19.000.000 đồng. Nay hụi bị bể, ông bà khó khăn về kinh tế nên ông bà xin trả dần một tháng 500.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền hụi còn thiếu.

* *Tại phiên tòa bà **S** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.000.000 đồng, chỉ yêu cầu ông **S1** và bà **N** trả tiền hụi còn thiếu là 18.000.000 đồng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà **Trần Thị N** được Tòa án triệu tập hợp lệ và bà **N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà **N** là đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà **S** yêu cầu ông **S1** và bà **N** trả cho bà số tiền nợ hụi còn thiếu là 19.000.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi”; bị đơn có nơi cư trú tại **ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa bà **S** xin rút yêu cầu khởi kiện đối với ông **S1**, bà **N** đối với số tiền 1.000.000 đồng. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà **S** đối với ông **S1**, bà **N** với số tiền 1.000.000 đồng.

[2] *Nội dung tranh chấp*: Nguyên đơn bà S và ông S1 thống nhất xác định bà S có tham gia chơi hụi do ông S1 và bà N làm chủ. Trong đây hụi bà S tham gia bà S chưa lĩnh hụi. Đến ngày 20/11/2023 bà N, ông S1 tuyên bố vỡ hụi, còn nợ lại bà S số tiền 18.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Bà S đã nhiều lần yêu cầu ông S1 và bà N trả số tiền trên nhưng ông S1 và bà N không trả dẫn đến 02 bên phát sinh tranh chấp nên bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông S1 cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng còn thiếu tiền hụi của bà S tổng số tiền 18.000.0000 đồng, do điều kiện gia đình nên bà N không đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng ông S1 xác định ông và bà N còn nợ bà S2 số tiền 18.000.000 đồng. HĐXX căn cứ Điều 92 (*Quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh*) của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận đó là sự thật.

Xét yêu cầu của bà S thấy rằng: Việc chơi hụi phía chủ hụi là ông S1 và bà N có ghi việc góp hụi và lĩnh hụi của các hụi viên. Phía bà S vẫn góp hụi đầy đủ cho vợ chồng ông S1, khi bà S chưa lĩnh hụi thì đến ngày 20/11/2023 bà N, ông S1 tuyên bố vỡ hụi mà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi giao trả tiền lại cho các hụi viên. Điều này đã vi phạm nghĩa vụ của hụi viên theo quy định tại Điều 18 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phò. Nay bà S khởi kiện yêu cầu ông S1 và bà N trả số tiền hụi còn thiếu là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông S1 và bà N trả cho bà S tổng số tiền nợ hụi 18.000.000đồng.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của bà S được chấp nhận nên ông S1 và bà N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm 5% là 900.000 đồng, bị đơn ông Trần Văn S1 và bà Trần Thị N chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Điều 468, Điều 471 của Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp họ với ông Trần Văn S1 và bà Trần Thị N.

Buộc ông Trần Văn S1 và bà Trần Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền nợ họ còn thiếu là 18.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Văn S1 và bà Trần Thị N không trả đủ số tiền trên thì ông S1 và bà N còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà S đối với số tiền 1.000.000 đồng.

3. Về án phí: Án phí DSST 5% là 900.000 đồng, ông Trần Văn S1 và bà Trần Thị N phải chịu.

Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 475.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002168 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/7/2024), đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

